

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ (SAM̐YUTTANIKĀYA)

Bài học ngày 16.4.2022

VỌNG NIỆM KHỞI ĐẦU
Kinh Cālā (Cālāsuttam)
CHƯƠNG V. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI (S.i, 132)

Khi chúng sanh khổ thường chỉ thấy lý do trước mắt mà ít khi thấy được nguyên nhân sâu xa. Khổ đau không phải chỉ đến do những đưa đẩy nhất thời mà là bản chất hệ lụy của phù sinh. Có năm uẩn thì có khổ đau. Đầu mối của hiện hữu là vô minh và ái. Rất khó để hiểu chính là vọng niệm mong muốn sanh hữu chính là đầu mối của vô lượng kiếp trầm luân. Ngay cả một người mệt mỏi với những hệ lụy của đời này vẫn hướng cầu kiếp khác dù sắc giới hay vô sắc giới. Bài kinh này tuy ngắn nhưng hàm chứa thái độ dứt khoát đối với sự trầm luân sanh tử, một điều “khó nuốt” ngay cả với một người có nhiều năm học hỏi Phật Pháp.



Kinh Văn

Sāvattṇidānaṃ. Atha kho cālā bhikkhunī pubbaṇhasamayam nivāsetvā...pe... aññatarasmim rukkhamūle divāvihāraṃ nisīdi. Atha kho māro pāpimā yena cālā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā cālaṃ bhikkhuniṃ etadavoca –

Tại Sāvattṇi.

Vào buổi sáng Tỷ khuru ni Cālā đáp y..... tĩnh tọa dưới một gốc cây .

Ác ma đi đến tỷ khuru ni Cālā và nói:

“**kiṃ nu tvam, bhikkhuni, na rocesi**”ti? “**Jātiṃ khvāhaṃ, āvuso, na rocemī**”ti.

“**Kiṃ nu jātiṃ na rocesi, jāto kāmāni bhuñjati;**
Ko nu taṃ idamādapayi, jātiṃ mā rocesi bhikkhuni”ti.

-- Này Tỳ khuru ni , Nàng không ưa thích gì?

-- Này bạn, ta không ưa thích sự tái sanh.

-- Vì sao Nàng không ưa thích sự tái sanh?

-- Khi đã tái sanh, phải thọ hưởng các dục.

-- Ai dạy cho nàng: "Này Tỳ khuru ni chớ có ưa thích sự tái sanh"?

(Cālā)

**“Jātassa maraṇaṃ hoti, jāto dukkhāni phussati
Bandhaṃ vadhamaṃ pariklesaṃ, tasmā jātiṃ na rocaye.**

**“Buddho dhammadesesi, jātiyā samatikkamaṃ;
Sabbadukkhappahānāya, so maṃ sacce nivesayi.**

**“Ye ca rūpūpagā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino;
Nirodhaṃ appajānantā, āgantāro punabbhava”nti.**

Có sanh ắt có tử
Có xúc chạm khổ đau
Trói buộc, luy, bức tử
Nên đừng vui với sanh.

Đức Phật dạy chánh pháp
Để vượt khỏi tái sanh
Từ bỏ tất cả khổ
An trú vào Lẽ Thật.

Chúng sanh hướng sắc giới
Trú trong vô sắc giới
Không hiểu sự tịch tịnh
Họ trở lại sanh hữu.

**Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ cālā bhikkhunī”ti dukkhī dummano
tatthevantaradhāyīti.**

Ác ma biết được: "Tỳ khuru ni Cālā đã biết ta" phiền muộn và thất vọng biến mất ngay chỗ ấy.



Thích văn

“**Kiṃ nu jātiṃ na rocesi** = Tại sao người không ưa thích sự tái sanh?

jāto kāmāni bhuñjati = Có sanh thời có hưởng thụ dục lạc

Ko nu taṃ idamādapayi jātiṃ mā roca bhikkhū”ti

= Ai đã thuyết phục người: Hỡi tỳ khuru ni đừng ưa thích sự tái sanh.

“**Jātassa maraṇaṃ hoti** = Có sanh thì có tử

jāto dukkhāni phussati = Sự tái sanh thì có tiếp xúc với khổ đau

Bandhaṃ vadhaṃ pariklesaṃ = trói buộc, giết hại, hệ lụy

tasmā jātiṃ na roca = do vậy không nên ưa thích tái sanh

“**Buddho dhammadesesi** = Đức Phật đã dạy ta chánh pháp

jātiyā samatikkamaṃ = để vượt thoát sự tái sanh

Sabbadukkhappahānāya = chấm dứt tất cả khổ

so maṃ sacce nivesayi = Ngài đã an lập ta vào Lẽ Thật

“**Ye ca rūpūpagā sattā** = Những chúng sanh nào tái sanh vào cõi sắc

ye ca arūpaṭṭhāyino = Những chúng sanh nào trú ở cõi vô sắc

Nirodhaṃ appajānantā = Do không hiểu được sự tịch tịnh

āgantāro punabbhava”nti = Họ sẽ lập lại sanh hữu



Thích nghĩa

Động từ rocesi có nghĩa là thích thú, đồng thuận. Trong ngữ cảnh của bài kinh này mang ý nghĩa ưng chịu.

Tỳ khuru ni Cālā là em ruột của Tôn giả Sāriputta. Thánh ni còn có hai người em gái khác là Upacālā và Sīsupacāla. Tất cả đều xuất gia theo Phật và chứng quả vô sanh ứng cúng.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-

6. Cālāsuttaṃ [Mūla]

167. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho cālā bhikkhunī pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā...pe... aññatarasmim̐ rukkhamūle divāvihāraṃ nisīdi. Atha kho māro pāpimā yena cālā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā cālaṃ bhikkhuniṃ etadavoca – “kiṃ nu tvam̐, bhikkhuni, na rocesi”’ti? “Jātiṃ khvāhaṃ, āvuso, na rocemī”’ti.

“Kiṃ nu jātiṃ na rocesi, jāto kāmāni bhuñjati;
Ko nu taṃ idamādapayi, jātiṃ mā roca [mā rocesi (sī. pī.)] bhikkhunī”’ti.

“Jātassa maraṇaṃ hoti, jāto dukkhāni phussati [passati (sī. pī.)];
Bandhaṃ vadhaṃ pariklesaṃ, tasmā jātiṃ na rocaye.

“Buddho dhammadesesi, jātiyā samatikkamaṃ;
Sabbadukkhappahānāya, so maṃ sacce nivesayi.

“Ye ca rūpūpagā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino;
Nirodhaṃ appajānantā, āgantāro punabbhava”’nti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ cālā bhikkhunī”’ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

6. Cālāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

167. Chaṭṭhe **ko nu taṃ idamādapayīti** ko nu mandabuddhi bālo taṃ evaṃ gāhāpesi? **Pariklesanti** aññampi nānappakāraṃ upaddavaṃ. Idāni yaṃ māro āha – “ko nu taṃ idamādapayī”’ti, taṃ maddantī – “na maṃ andhabālo ādapesi, loke pana aggapuggalo satthā dhammaṃ desesi”’ti dassetuṃ, **buddhoti**ādīmāha. Tattha **sacce nivesayīti** paramatthasacce nibbāne nivesesi. **Nirodhaṃ appajānantīti** nirodhasaccaṃ ajānantā. Chaṭṭhaṃ.